

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế khu vực Bảo Thắng
- Tên kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua Vật tư y tế, hóa chất (5 phần) phục vụ công tác chuyên môn năm 2026 của Trung tâm Y tế Khu vực Bảo Thắng
- Tên gói thầu: Mua Vật tư y tế, hóa chất (5 phần) phục vụ công tác chuyên môn năm 2026 của Trung tâm Y tế Khu vực Bảo Thắng
- Giá gói thầu: 6.602.834.400 VND
- Nguồn vốn: Nguồn thu khám chữa bệnh của đơn vị.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, lựa chọn nhà thầu qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I năm 2026
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
- Tùy chọn mua thêm: 30% tương ứng 1.769.902.135 VND

2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu chung

- Nhà thầu đủ điều kiện cung cấp và hàng hóa được phép lưu hành trên thị trường theo quy định pháp luật hiện hành;
- Hàng hóa mới 100%, đảm bảo hạn sử dụng tối thiểu 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến 02 năm; ¼ hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm theo nhà sản xuất khi bàn giao hàng hóa.
- Nhà thầu đề xuất phạm vi cung cấp, ngày giao hàng phù hợp với tiến độ thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

b) Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
1. PP2600069449: Phần 01			
1.1	Găng tay cao su y tế	<p>Tối thiểu sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Lực kéo đứt tối thiểu trước già hóa: $\geq 7,0$ N, sau già hóa: $\geq 6,0$ N. Hàm lượng Protein dưới $200 \mu\text{g}/\text{dm}^2$.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn TCVN 6343-1:2007 (ISO 11193-1:2002), ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	50 đôi/hộp 500 đôi/thùng
1.2	Găng khám sản dài	<p>Tối thiểu sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da. Tiết trùng bằng khí EO hoặc tương đương, đóng gói mỗi túi/ đôi. Có cỡ 7.0-7.5. Độ giãn đứt trước lão hoá min 700%, sau lão hoá min 550%. lượng bột max $80\text{mg}/\text{đôi}$. Lượng protein max $200\text{g}/\text{dm}^2$.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn TCVN 6344 (ISO 10282:2014), ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	01 đôi/ túi; 40 đôi/hộp 240-320 đôi/thùng
1.3	Găng tay phẫu thuật tiết trùng	<p>Tối thiểu sản xuất từ cao su thiên nhiên. Dày trung bình $0,15 \pm 0,20\text{mm}$, Chiều dài trung bình 280mm. Độ giãn đứt trước lão hóa: min 700%, sau lão hóa: min 550%. Lượng bột: max $80\text{mg}/\text{đôi}$. Lượng protein: max $200\mu\text{g}/\text{dm}^2$, mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiết trùng bằng khí EO hoặc tương đương.</p> <p>Tối thiểu đạt TCVN 6344, ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc tương đương</p>	01 đôi/ túi; 50 túi/hộp
1.4	Băng bột bó loại 12,5cm x4,6m	<p>Tối thiểu sản xuất bởi bột thạch cao màu trắng được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạc thấm màu trắng mềm (Thạch cao $\geq 97\%$, gạc 100% cotton); lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột, khả năng thấm nước tốt, đông kết tốt.</p>	12c/túi, 06 túi/thùng

1.5	Băng cuộn xô 5 x 0,07m	<p>Vải dệt hút nước 100% cotton (Gạc dệt hút nước, gạc y tế).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$ - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Thôi nhiễm kim loại: không quá hàm lượng cho phép theo TCVN 6238-3:2011 <p>Tối thiểu đạt chứng nhận ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương</p>	100 cuộn/ gói
1.6	Băng keo lụa 5cm x 5m	<p>Vải lụa trắng, 100% sợi cellulose acetate.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Keo Zinc oxide và các thành phần tối thiểu gồm: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. <p>Độ nhớt 8.100-12.700 cP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE - EU hoặc tương đương. - Có tối thiểu 02 CFS hoặc tương đương. 	Hộp 1 cuộn
1.7	Bông y tế thấm nước	<p>Thành phần: Tối thiểu từ bông xơ tự nhiên.</p> <p>Kết quả thử nghiệm công nghệ Spunlace:</p> <p>Độ bền kéo đứt: hướng 1 (N): 25,1; hướng 2 (N): 2,1</p> <p>Độ giãn dài khi đứt: hướng 1 (%): 6,2; hướng 2 (%): 29,8</p> <p>Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính (Cả hai dung dịch không có màu hồng)</p> <p>Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Chất hoạt động bề mặt: ≤ 2mm</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc tương đương</p>	1 kg/ gói
1.8	Bông gạc đắp vết thương vô trùng 6x15cm	<p>Tối thiểu gồm 2 lớp Vải (gạc) không dệt từ polyester và rayon (viscose), hút nước, đệm giữa là 1 lớp bông cotton 100% hút nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$ - Khả năng hút nước: ≥ 20 g nước/g bông gạc; <p>Sản phẩm chứa trong túi giấy tiệt trùng trong y tế đã được tiệt trùng bằng khí EO Gas hoặc tương đương.</p> <p>Tối thiểu đạt chứng nhận ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương.</p>	1 Miếng/ gói

1.9	Gạc củ ấu sản khoa vô trùng 7x7x7cm	<p>Tối thiểu vải dệt hút nước 100% cotton màu trắng tự nhiên, không ố vàng, không xơ sợi không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ trắng $\geq 80\%$ - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$ <p>Tiệt trùng bằng khí EO Gas hoặc tương đương</p> <p>Tối thiểu đạt chứng nhận đạt chứng nhận ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương</p>	10 cái/ gói
1.10	Meche Phẫu thuật 3.5 x 75cm x 6 lớp, VT	<p>Tối thiểu vải dệt hút nước 100% cotton màu trắng tự nhiên,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thoi nhiễm kim loại: không quá hàm lượng cho phép theo TCVN 6238-3:2011 <p>Tối thiểu được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO Gas hoặc tương đương.</p> <p>Tối thiểu đạt chứng nhận ISO 13485:2016 hoặc tương đương.</p>	5 cái/ gói
1.11	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5 x 7,5cm x 6 lớp	<p>Tối thiểu vải không dệt, xốp mịn, không có hóa chất tẩy trắng, không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng, ít bám vào vết thương khô.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ trắng $\geq 80\%$ - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$ <p>Tối thiểu đạt chứng nhận ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	10 cái/ gói
1.12	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30x40x6 lớp	<p>Tối thiểu vải dệt hút nước 100% cotton màu trắng tự nhiên,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$ - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; - Thoi nhiễm kim loại: không quá hàm lượng cho phép theo TCVN 6238-3:2011 <p>Tiệt trùng bằng khí EO Gas hoặc tương đương.</p> <p>Tối thiểu đạt chứng nhận ISO 13485 hoặc tương đương</p>	5 cái/ gói

1.13	Gạc hút nước khổ 0,8m	Tối thiểu vải dệt hút nước 100% cotton - Độ ẩm (Mất khối lượng do sấy khô) $\leq 8\%$ - Khả năng hút nước: ≥ 10 g nước/g gạc; - Tốc độ hút nước (Thời gian chìm): ≤ 5 s; Tối thiểu đạt chứng nhận ISO 13485 hoặc 9001 hoặc tương đương	1000 mét/ kiện
1.14	Khẩu trang y tế	Cấu tạo tối thiểu gồm: 3 lớp vải không dệt, 1 lớp vi lọc Thanh nẹp mũi; Dây đeo thun co giãn, đàn hồi tốt. Dùng để ngăn ngừa vi khuẩn, bụi và các bệnh lây qua đường hô hấp Tối thiểu đạt chứng nhận ISO 13485 hoặc tương đương	Thùng 50 hộp
1.15	Mũ phẫu thuật tiệt trùng	Nguyên liệu: Tối thiểu vải không dệt không thấm nước và dây thun đôi. Kích thước mũ con sâu: Rộng $\geq 2,2$ cm x dài ≥ 19 cm. Đường kính kéo căng: ≤ 47.5 - ≥ 52 cm Đường kính ở trạng thái nghỉ: ≤ 15 - ≥ 20 cm	1 cái/ gói
1.16	Túi camera nội soi	Nguyên liệu: Tối thiểu được làm từ ống nylon, fi 18cm, màu trắng trong. Dây cotton. Màng plastic dày dặn, đảm bảo độ trong suốt để quan sát. 1 x Túi nylon có dây buộc bằng cotton: 9x14cm 1 x Ống nylon có dây buộc 2 ly: đường kính fi 18 x 230cm Đóng gói: 1 bộ/gói. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas hoặc tương đương. - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc tương đương.	1 cái/ gói
1.17	Dây garo	tối thiểu được làm bằng thun, chất liệu cao su co giãn tốt. Có băng gai dính 2 đầu, miếng băng gai bền chắc, dễ thao tác. Sản phẩm có thể sử dụng lại nhiều lần. Lực kéo đứt (độ bền kéo): ≥ 100 N Dây garo được đóng trong nylon có thông tin sản phẩm.	10 cái/ gói

		Tối thiểu đạt tiêu chuẩn: ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc tương đương	
1.18	Que tăm bông vô khuẩn	Màu sắc; Ống nhựa : trắng trong; Cán que: xanh Kích thước; Ống nhựa: 180mm; Ø10mm Cán que: 70mm; Ø10mm Đã được tiệt trùng. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	50 que/ túi
1.19	Miếng dán điện cực	Tối thiểu vật liệu xốp bảo vệ điện cực và gel từ các chất tẩy rửa phẫu thuật. Kích thước: 43mm x 45mm	Gói/ 50 miếng
1.20	Băng chỉ thị nhiệt độ (dài ≥ 55m; rộng 20-26mm)	Băng keo chỉ thị nhiệt kích thước 2,4cm x 55m với vạch mực chuyển màu giúp xác định gói dụng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiệt khuẩn hay chưa. Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiệt khuẩn và giữ nguyên màu trong vòng 6 tháng. Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121°C và 132-134°C. Thành phần tối thiểu: giấy 75-85%, chất bám dính 10-20%, Acrylic Polymer: 2-5%, mực chỉ thị 0,5-2%. Tối thiểu đáp ứng tiêu chuẩn FDA, ISO 13485 hoặc tương đương	20 cuộn/ thùng
1.21	Băng dính phẫu thuật vô trùng trong suốt chống nước (28x30)	Tối thiểu trong suốt, chống nước, không gây dị ứng, thoát khí. Tay cầm: 2.5 ± 1.0 cm mỗi chiều Không gây phản quang trong phòng mổ. Chất liệu: - Màng film Polyurethane: 0.027mm±0.005, khoảng 30g/m ² . Tương đồng sinh học theo ISO10993-23:2021, ISO10993-5:2009, ISO 10993-10:2021 Vòng đời theo tiêu chuẩn ASTM F 1980 : 2016	1 miếng/ túi

		Tối thiểu đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	
1.22	Băng dính phẫu thuật vô trùng trong suốt chống nước (15x28)	<p>Kích cỡ vùng dính $15 \pm 1.5 \times 28 \pm 3.08$cm, kích cỡ đầy đủ $(15 \pm 1.5) \times (32 \pm 3.2)$</p> <p>Tối thiểu trong suốt, chống nước, không gây dị ứng, thoáng khí.</p> <p>Tay cầm: 2.5 ± 1.0 cm mỗi chiều</p> <p>Chất liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màng film Polyurethane: $0.027\text{mm} \pm 0.005$, khoảng $30\text{g}/\text{m}^2$. - Keo dính: Acrylic y tế hoặc tương đương - Dải băng PE - Giấy tách: $100\text{g}/\text{m}^2 \pm 10$ <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương</p>	1 miếng/ túi
1.23	Dây garo cầm máu có khóa	Tối thiểu chất liệu thun cotton đàn hồi tốt, không rã, dẫn, đổ lông, độ bền tốt, có khóa nhựa chắc chắn, nhạy, dễ mở, đóng	Túi 1 cái
1.24	Bơm tiêm nhựa 10ml	<p>Xy lanh dung tích 10ml</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2\text{ml}$ - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". - Tối thiểu có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương 	Hộp 100 Cái (Kịchn 1200 cái)
1.25	Bơm tiêm nhựa 1ml	<p>Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất tối thiểu từ nhựa y tế nguyên sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Tối thiểu sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) hoặc tương đương. <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	Hộp 100 cái (Kịchn 4200 cái)

1.26	Bơm tiêm nhựa 20ml	<p>Xy lanh dung tích 20ml</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim tối thiểu làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Tối thiểu có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương 	Hộp 50 Cái (Kiện 800 cái)
1.27	Bơm tiêm nhựa 5ml	<p>Xy lanh dung tích 5ml,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim tối thiểu làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". <p>Tối thiểu có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135, EN ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp 100 Cái (Kiện 2000 cái)
1.28	Bơm tiêm nhựa 50ml	<p>Xy lanh dung tích 50ml</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135, EN ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	Hộp 25 Cái (Kiện 400 cái)
1.29	Bơm cho ăn 50ml	<p>Xy lanh tối thiểu được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. <p>Tối thiểu có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135, EN ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp 25 Cái (Kiện 400 cái)
1.30	Bộ kim cánh bướm	<ul style="list-style-type: none"> - Dây dẫn: Tối thiểu nhựa nguyên sinh đạt tiêu chuẩn, mềm dẻo, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng. - Đầu nối: Tối thiểu nhựa nguyên sinh, thiết kế Luer lock - Dây dài ≥ 300mm - Cỡ kim 25G x 3/4" và các cỡ khác theo yêu cầu. Đầu kim vát 3 cạnh, thân kim nhẵn, 	Túi 01 cái

		không tạp chất bên trong, được phủ silicone - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) hoặc tương đương.	
1.31	Kim lấy thuốc các cỡ	Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vĩ đưng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Tối thiểu có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135 hoặc tương đương	Hộp 100 Cái (Kiện 10000 cái)
1.32	Kim chọc dò, gây tê tủy sống 25G	Kim gây tê tủy sống đầu Quinck có 3 mặt vát sắc. Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuôi kim giúp nhận biết nhanh và dễ dàng khi dịch não tủy chảy ra. Kim 25G: chiều dài: 88mm, đường kính: 0.5 mm Que thông nòng có màu theo quy ước. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp 25 cái
1.33	Kim châm cứu các loại, các cỡ	Kim châm cứu vô trùng dùng một lần, được cuộn xoắn ốc đồng đều, bằng 1 sợi thép y tế, có màu đồng nhất, không có nếp nhăn. - Thân kim tối thiểu được làm từ thép không gỉ có khả năng chống gỉ, chống ăn mòn, không có vết nứt, vết gãy hoặc tách thành các lớp - Kích thước của kim: Đường kính x Chiều dài: (0,16 - 0,45)mm x (13– 75) mm - Kim được đóng gói vô trùng, mỗi kim là khuôn riêng biệt.	10 Cái/vi
1.34	Kim luồn tĩnh mạch các số	- Kim tối thiểu làm bằng thép không gỉ, đầu kim có 3 mặt vát, sắc bén, dễ lấy ven và giảm đau. - Kim có ống chụp bảo vệ khi chưa sử dụng. - Ống catheter tối thiểu làm từ chất liệu PTFE . - Kim có cổng bơm thuốc bổ xung, nắp đậy bật dễ dàng. - Khoang báo máu thiết kế trong xuất giúp dễ dàng xác định lấy đúng ven . - Khử trùng bằng khí EO(Ethylene Oxide)	100 cái/ 1 hộp

		<p>hoặc tương đương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian lưu kim ≥ 96 giờ. 	
1.35	Kim gây tê đám rối thần kinh 10cm	<p>Kim G21 dài 100mm, cách điện, thân kim có chia vạch. Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh để cầm khi chích, có dây nối để bơm thuốc.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	Hộp 25 cái
1.36	Lancet tay	<p>Sử dụng trong việc lấy máu xét nghiệm. Tiện dụng, đơn giản, sản xuất tối thiểu từ thép Carbon không gỉ, đầu mũi kim được vát nhọn, dập gân tăng cứng với công nghệ sản xuất hiện đại.</p> <p>Tiệt trùng từng cây bằng tia Gamma.</p>	Hộp 200 cái
1.37	Bộ truyền kiểm soát giảm đau dùng 1 lần	<p>Dung tích bình chứa thuốc: ≥ 150ml</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dải tốc độ: chuẩn A: 0.5-7ml/h (0; 0,5; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7ml) - Liều tăng cường: 1ml - Thời gian khóa: 15 phút - Bộ lọc khí: 1.2 μm - Cổng nạp thuốc nằm trên bơm, sử dụng van 1 chiều chống chảy ngược thuốc ra ngoài - Bộ điều chỉnh tốc độ có khóa an toàn và nắp khóa giúp bảo đảm an toàn cho bệnh nhân - Sản phẩm không chứa latex (cao su thiên nhiên) và DEHP - Sản phẩm được tráng lớp chống tia UV trên bơm và dây truyền. 	Bộ/Túi
1.38	Bộ gây tê ngoài màng cứng	<ul style="list-style-type: none"> - Kim đầu cong G18 dài 3¼” gây tê ngoài màng cứng, đầu cong có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim. - Catheter bằng polyamid trong suốt, dài 1000mm, có đường cân quang ngầm, đầu catheter có ≥ 3 lỗ thoát thuốc, thân catheter mềm dẻo, chống gập - Đầu nối catheter dạng nắp bật. - Bơm tiêm giảm kháng lực LOR (Loss of Resistance). - Màng lọc với kích thước lỗ lọc $\geq 0.2\mu$m. tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn. Tẩm dán cố 	Hộp 10 bộ

		<p>định màng lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có 2 bơm tiêm $\geq 3\text{ml}$ và $\geq 20\text{ml}$ có đầu vặn xoắn và 3 kim chích thuốc G25, G21, G18. 	
1.39	Clip Hemolock cỡ XL	<p>Clip kẹp mạch máu polymer Weck Hemolok các cỡ, không tiêu, không dẫn điện, không ảnh hưởng đến CT, MRI hoặc X-ray. Cơ chế kẹp lạnh, không tỏa nhiệt, không lan nhiệt đến các cấu trúc mô. Cơ chế khóa an toàn với vấu tròn ngâm hàm chắc chắn, gai dọc thân clip với chân bám 360 chống trượt. Sử dụng được trong phẫu thuật với Robot. Cỡ XL chiều rộng clip 18.03mm, độ dày clip 2.49mm, kẹp mạch máu từ 7mm - 16mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương.</p>	6 cái/ vỉ 84 cái/ hộp
1.40	Kẹp mạch titan Ligaclip Extra	<p>Clip kẹp mạch máu titan hình chữ V có cấu tạo rãnh hình trái tim giúp clip bám chắc vào mạch máu, chân clip hình tam giác giúp tăng tối đa bề mặt tiếp xúc giữa clip và hàm, bỏ hiện tượng rơi clip. - Có lớp đế chống dính đặt lên bất cứ khu vực vô trùng nào. - Cỡ S: chiều rộng 1.98mm, chiều cao 2.87mm, chiều dài clip khi đóng 3.63mm. Cỡ M: chiều rộng 3.02mm, chiều cao 4.68mm, chiều dài clip khi đóng 5.89mm. Cỡ ML, chiều rộng 5.73mm, chiều cao 7.21mm, chiều dài khi đóng clip 8.98mm Tối thiểu đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương.</p>	6 cái/ vỉ 180 cái/ hộp hoặc 120 cái/ hộp
2. PP2600069450: Phần 02			
2.1	Dây nối bơm tiêm điện	<p>Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính trong $\leq 0,9\text{ mm}$ - Đường kính ngoài $\leq 1,9\text{mm}$ - Chiều dài dây tối thiểu có đủ các cỡ 30,75,140,150cm - Tốc độ $\geq 0,9\text{ml/phút}$; áp lực $\geq 2\text{ bar}$ - Đầu nối Luer Lock, 	Hộp 100 cái (Kịch 1000 cái)

		- Tối thiểu đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135, EN ISO 13485 hoặc tương đương.	
2.2	Bộ dây truyền dịch kèm kim cánh bướm	Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 14\text{ml}$, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Dây dẫn cấu tạo tối thiểu từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1700\text{mm}$. Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 22Gx3/4". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 6591-4: 2008, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135, EN ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 bộ x 25 bộ/bịch (Kiện 500 bộ)
2.3	Bộ dây truyền máu	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất tối thiểu từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Dây dài $\geq 1800\text{mm}$ tối thiểu làm từ chất liệu PVC y tế, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Kim cỡ 18Gx1 1/2'. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc $200\mu\text{m}$, tốc độ dòng chảy 20 giọt/ml Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 1 bộ x 25 bộ/bịch (Kiện 400 bộ)
2.4	Dây hút nhớt các số	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Túi 20 cái (Kiện 500 cái)
2.5	Dây Oxy 2 nhánh	Tối thiểu làm từ nhựa PVC, an toàn tiệt khuẩn, không độc hại - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	100 cái/ thùng
2.6	Dây cho ăn	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp không có nắp . Dây dẫn được sản xuất tối thiểu từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc.	Túi 25 cái (Kiện 500 cái)

		Tối thiểu đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135, EN ISO 13485 hoặc tương đương	
2.7	Sonde foley 3 nhánh các số	<p>Tối thiểu chất liệu 100% cao su thiên nhiên mềm, có phủ dầu silicon trơn nhẵn giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại: 3 nhánh - Bao gồm: Bao gồm van bơm hơi và vòng màu, phễu thoát nước, phễu tưới, ống thoát nước, bóng, mắt thoát nước, mắt tưới nước. - Thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt. 	10 cái/ hộp, 500 cái/ thùng
2.8	Ống thông JJ, Kích thước 6Fr	<p>Sonde JJ gồm: Ống thông: Tối thiểu chất liệu Aliphatic polyurethane (PU): Tecoflex, màu trắng, vạch chỉ thị màu đen, phủ hydrophylic Que đẩy: Tối thiểu chất liệu polypropylen (PP), màu đỏ, dài 40-100cm Chỉ Nylon ở đầu dưới Kẹp chất liệu tối thiểu Polycarbonatel, màu xanh Kích cỡ: 6F dài 26cm ; Hai đầu mở, có khả năng chống xoắn; cản quang tốt, vạch chỉ thị độ sâu Tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái / Túi
2.9	Ống thông JJ, Kích thước 7Fr	<p>Sonde JJ gồm: Ống thông: Tối thiểu chất liệu Aliphatic polyurethane (PU): Tecoflex, màu trắng, vạch chỉ thị màu đen, phủ hydrophylic Que đẩy: Tối thiểu chất liệu polypropylen (PP), màu đỏ, dài 40-100cm Chỉ Nylon ở đầu dưới Kẹp tối thiểu chất liệu Polycarbonatel, màu xanh Kích cỡ: 7F dài 26cm ; Hai đầu mở, có khả năng chống xoắn; cản quang tốt, vạch chỉ thị độ sâu Tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Cái / Túi

2.10	Dây hút dịch phẫu thuật	Dây dẫn được sản xuất tối thiểu từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống ≥ 2 m. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Túi 1 bộ (Kiện 100 bộ)
2.11	Sonde Foley 2 nhánh các số	Tối thiểu Chất liệu 100% cao su thiên nhiên mềm, có phủ dầu silicon trơn nhẵn giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân. - Bao gồm: Tối thiểu bao gồm van bơm hơi và vòng màu, phễu thoát nước, phễu tưới, ống thoát nước, bóng, mắt thoát nước, mắt tưới nước.	10 cái/ hộp, 500 cái/ thùng
2.12	Kẹp rốn	Sản xuất tối thiểu từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, Tối thiểu đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135 hoặc tương đương.	Hộp 100 Cái (Kiện 3000 cái)
2.13	Ống đặt nội khí quản	Có bóng, bóng thể tích lớn giúp bịt kín thành khí quản, được thiết kế để sử dụng trong quá trình thở máy ngắn hạn và dài hạn và các thủ thuật phẫu thuật thường quy.	Gói 1 cái
2.14	Túi đựng nước tiểu	Kích cỡ ≥ 2000 ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135 hoặc tương đương - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương	Bịch 10 cái (Kiện 250 cái)
2.15	Khóa 3 chạc có dây nối (10cm -75cm)	Chất liệu: Tối thiểu thân khóa (nhựa PC trong suốt), đầu nối (nhựa PE), nắp vặn (nhựa ABS). Thân ống được sản xuất từ nhựa y tế trong suốt, dễ dàng theo dõi dòng chảy của dịch truyền.	Gói/1 sợi

2.16	Sonde dạ dày các cỡ	Các số. Chất liệu tối thiểu PVC cảm nhận nhiệt mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc.	25 cái/ hộp
2.17	Sonde dẫn lưu ổ bụng các số	Chất liệu tối thiểu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong 5.0mm hoặc 7.0mm, đường kính ngoài: 7.0mm hoặc 10mm chiều dài 396mm. Được tiệt trùng bằng EO hoặc tương đương.	100 cái/ hộp
2.18	Ống hút thai (số 5, số 6)	Được tiệt trùng, đóng gói riêng biệt, các ống được phân biệt kích cỡ qua màu sắc của chuôi. Trên ống có các dấu chấm đánh dấu độ sâu kích thước tử cung. Ống hút tối thiểu được làm bằng nhựa.	1 cái/ túi
2.19	Dây máy thở 2 bẫy nước dùng 1 lần	4 đoạn dây dài ≥ 80 cm, cắt chữ Y có cổng lấy mẫu, cắt góc với cổng CO ₂ , đoạn 45cm nối với bình làm ấm, cắt nối 22-22	1 bộ/ túi
2.20	Tay dao mổ điện	Tay dao mổ điện dùng 1 lần với lưỡi dao bằng thép không gỉ phi 2.4mm, lưỡi dao có thể tháo rời Điều khiển trên tay dao: Điều khiển bằng 2 nút bấm: Cắt và đốt	1 cái/ túi
2.21	Bao cao su y tế	Làm bằng latex tự nhiên, trong mờ, không màu, không mùi. Chiều dài: ≥ 170 mm; Chiều rộng: 52 mm \pm 2 mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001 hoặc ISO 13485 hoặc tương đương	200 cái/ hộp/ 6.000 cái/ thùng
2.22	Canuyn May O	Được làm tối thiểu từ Polyethylene không độc hại. Tiệt trùng bằng khí E.O hoặc tương đương, không độc, không kích ứng niêm mạc, sử dụng 1 lần	50 cái/ hộp
2.23	Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng, không phát hiện vi khuẩn Staphylococcus, Pseudomonas aeruginosa, Không gây mẩn cảm hoặc rát da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5.	Can 5 lít

2.24	Gel bôi trơn	<p>Dùng bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo, soi bàng quang, Hòa tan được trong nước, Thành phần chính tối thiểu gồm: Deionized Water; Glycerin; Tiệt trùng.</p>	Hộp 1 tuýp 82g
2.25	Túi máu đơn	<p>Dung tích 250ml để chứa máu toàn phần (Dung tích tối đa là 300ml).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống túi máu đơn này với một túi chính chứa 35 ml chất chống đông CPDA-1 (citrate-phosphate-Dextrose-Adenine) giúp bảo quản hồng cầu lên đến 35 ngày ở 2 độ C – 6 độ C. - Kim lấy máu cỡ 16G và chiều dài kim: 37 ± 0,5 mm, có nắp bảo vệ. - Ống dây lấy máu dài 980 ± 40 mm với 12 dây số và có một kẹp để khóa. 	5 túi/ gói
2.26	Phim X-quang y tế 14x17inch (35x43cm).	<p>Phim khô laser kích cỡ 35x43 cm (14x17 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester - Phim có thành phần cấu tạo hóa học bao gồm: 90-95% Polyethylene terephthalate; 1-5% Polyvinyl butyral-polyvinyl alcohol-polyvinyl acetate terpolymer; 1-5% Axít docosanoic, muối bạc(1+) và < 3% Cellulose acetate butyrate - Phim có mật độ điểm ảnh tối đa 650 ppi - Tương thích với hệ thống máy in phim laser Trimax - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương 	125 tờ/ hộp
2.27	Phim dùng cho chụp X- quang y tế (20x25cm)	<p>Phim laser khô, phù hợp với máy in Fujifilm, kt 20x25cm , sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường.</p> <p>Phim tối thiểu gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ.</p> <p>Thành phần tối thiểu gồm: polyethylene terephthalate (PET): 85-95%; polyme: 1-10%; Bạc hữu cơ: 1-10%; gelatine: 1-10%;</p>	150 tờ/ hộp

		phụ gia: 0,1-15%; bạc halogenua: 0,05-1%; mật độ quang học 3.3	
2.28	Test phát hiện nhanh HP	Ống nhựa có nắp nhấn kín chứa 0,3ml môi trường thạch dùng để kiểm tra nhanh sự hiện diện của Helicobacter pylori trong mẫu bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Thành phần tối thiểu gồm: Urea, Phenol red, Agar, Na ₂ HPO ₄ , KH ₂ PO ₄ , pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C	Hộp 50 ống
2.29	Ống nghiệm nhựa có hạt Serum	Chất liệu: Ống được làm tối thiểu bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống, dùng các hạt bi nhựa để tách nhanh huyết thanh. Kích thước ống 12x75mm, Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE (đạt chuẩn IVDR) hoặc tương đương.	100 ống/ 01 hộp
2.30	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích ≥200 ul, tối thiểu làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, thành trong không dính nước.	1000 chiếc/túi
2.31	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh dung tích ≥1000 ul, tối thiểu làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, thành trong không dính nước.	500 chiếc/ túi
2.32	Ống nghiệm Serum có nắp	Chất liệu: Ống được làm tối thiểu bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Kích thước ống 12x75mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE (đạt chuẩn IVDR) hoặc tương đương.	100 ống/ 01 hộp
2.33	Lamen 22x22mm	Chất liệu tối thiểu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, không mốc, không xước, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Độ dày: 0.13 - 0.16 mm. Tiêu bản hình vuông có kích cỡ 22x22mm.	1000 chiếc/ hộp

2.34	Ống nghiệm nhựa không nắp	Tối thiểu làm từ nhựa PS trắng trong, không có nút, không có nhãn. Kích thước ống: 12x75mm, đựng tối đa 5ml mẫu. Bên trong ống không chứa dung dịch.	250 chiếc/ túi
2.35	Lam kính mài đầu	Chất liệu tối thiểu kính Soda vôi, kích thước 25.4*76.2mm, độ dày 1.0-1.2mm, mài mờ một đầu, bề mặt phẳng, không mốc.	72 miếng/ hộp
2.36	Ống nghiệm nhựa đựng nước tiểu 10ml	Kích thước 16x100 (mm), tối thiểu làm từ nhựa PP trắng, nắp ấn trong màu trắng, dung tích tối đa 14ml. Độ pH trung tính, có độ trơn láng cao. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	250 ống/ bịch
2.37	Ống nghiệm lấy máu Trisodium citrat 3,8%	Ống nghiệm tối thiểu nhựa PP, độ pH trung tính. Kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml, nắp nhựa màu xanh lá. Bên trong chứa chất kháng đông Trisodium Citrate Dihydrate 3.8% , chỉ có 1 vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. Dùng xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	2.400 ống/ thùng
2.38	Ống nghiệm lấy máu K2 EDTA nắp cao su	Ống nghiệm nhựa PP, độ pH trung tính. Kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), dung tích tối đa 6 ml, nắp cao su bọc nhựa màu xanh dương. Bên trong chứa chất kháng đông Ethylenediaminetetraacetic Acid Dipotassium Salt Dihydrate (EDTA K2), chỉ có 1 vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. Nắp cao su tinh khiết giúp kim xuyên qua dễ và đàn hồi tốt, không gây hiện tượng rơi vãi giọt máu ra ngoài, bảo vệ người sử dụng và tránh sự lây nhiễm mẫu bệnh phẩm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	2.400 ống/ thùng
2.39	Ống nghiệm lấy máu Lithium heparin	Ống nghiệm tối thiểu nhựa PP, độ pH trung tính. Kích thước Ø13 x 75 (mm) hoặc Ø12 x	2.400 ống/ thùng

		75 (mm), dung tích tối đa 6 ml, nắp nhựa màu đen. Bên trong chứa chất kháng đông Lithium Heparin, chỉ có 1 vạch chỉ thể tích trên nhãn ống. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	
2.40	Cốc nhựa đựng bệnh phẩm đờm	Chất liệu: Lọ được làm tối thiểu bằng nhựa y tế PS/PP, kích thước 36x60mm, dung tích tối đa 60ml, không thìa, nắp màu đỏ Không tiết trùng	100 cái/túi
2.41	Ống Falcon 15ml	Chất liệu tối thiểu nhựa PP, nắp nhựa PE, dung tích 15ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm để tách thuốc thử, tách chất rắn ra khỏi chất lỏng và chất rắn lắng đọng ở phần dưới của ống ly tâm. Chịu được lực ly tâm 6000 vòng/phút.	100 cái/ túi
2.42	Pipet paster nhựa 3ml	Chất liệu tối thiểu nhựa y tế LDPE, mềm mại, có vạch chia từ 0.5ml. Chiều dài 160mm, dung tích lấy mẫu 3ml.	500 cái/ túi
2.43	Lọ đựng mẫu bệnh phẩm phân	Lọ nhựa PS trắng trong, dung tích 50 ml. Có nhãn màu trắng, nắp nhựa có gắn muông, không có chất bảo quản. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	100 lọ/ Bịch
2.44	Ống nghiệm nhựa có nắp, có nhãn	Kích thước 13x75 (mm) hoặc Ø12 x 75 (mm), nhựa PP trắng đục, nắp nhựa ấn ngoài màu đỏ, có nhãn, dung tích tối đa 6 ml. Độ pH trung tính, có độ trơn láng cao. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	500 ống/ bịch
2.45	Test Dengue Duo	Dễ dàng sử dụng (kết quả xét nghiệm: 15-20 phút) NS1: Độ nhạy $\geq 92,4\%$ và độ đặc hiệu $\geq 98,4\%$ so với RT-PCR. IgG/IgM: Độ nhạy $\geq 94,2\%$, Độ đặc hiệu $\geq 96,4\%$ so với phương pháp ELISA Không cần dung dịch pha loãng với xét nghiệm Dengue NS1 Thanh thử Dengue NS1: Phức hợp vàng: Hỗn hợp kháng thể chuột đơn dòng kháng	Hộp 10 test

		<p>dengue NS1 Ab ($0,0623 \pm 0,0200 \mu\text{g}$), chất keo vàng IgY từ gà ($0,050 \pm 0,015 \mu\text{g}$).</p> <p>Thành thử Dengue Igg - Igm: Phức hợp vàng: Kháng thể chuột đơn dòng kháng dengue Ab - chất keo vàng ($0,467 \pm 0,014 \mu\text{g}$), Kháng thể chuột kháng Ab - chất keo vàng ($0,002 \pm 0,001 \mu\text{g}$).</p> <p>Có nghiên cứu đánh giá hiệu năng trên cả nhóm bệnh nhân nhiễm nguyên phát và nhiễm thứ phát.</p> <p>Có nghiên cứu đánh giá hiệu năng trên các sub-type DENV</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, CFS EU hoặc tương đương</p>	
2.46	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	<p>Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w).</p> <p>Thành phần phụ: Chất đệm, chất khóa ion kim loại nặng, chất tạo màu, chất chống ăn mòn benzotriazole 0.01%, Nước tinh khiết.</p> <p>Hệ đệm pH =7-9.</p> <p>Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút.</p> <p>Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2)</p> <p>Vi khuẩn : EN 14561</p> <p>Nấm, mốc : EN 14562</p> <p>Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563</p> <p>Virus: EN 17111</p> <p>Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm.</p>	Can 5 lít
2.47	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	<p>Hoạt chất: Ethanol 56% (w/w), Isopropanol 18% (w/w), Chlorhexidine digluconate (Chlorhexidine gluconate) 0,5 % (w/w).</p> <p>- Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Cyclopentasiloxane, Glycereth-26, Caprylic/Capric triglyceride, Dipropylene glycol, Olive oil PEG-7 Esters.</p> <p>- Hương liệu, nước tinh khiết.</p> <p>Hàm lượng Methanol: ≤ 2000 (mg/l)</p>	Chai 1 lít
2.48	Cồn 96	<p>Hàm lượng Ethanol 96%</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	Can 30 lít
2.49	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	<p>Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 2,0 % (w/w).</p> <p>- Hệ chất dưỡng da, dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate,...</p>	Chai 1 lít

		<ul style="list-style-type: none"> - Chất hoạt động bề mặt: Cocamidopropylamine Oxide, Lauramine Oxide, Cocamide Diethanolamine, Caprylyl/Capryl Glucoside. - Chất tạo đặc: Hydroxyethylcellulose. - Chất điều chỉnh pH. - Chất tạo màu, hương liệu, nước tinh khiết. <p>Đạt tiêu chuẩn EN 1499</p>	
2.50	Cloramin B	<p>Thành phần hóa học chủ yếu là Sodium Benzensulfochleramin.</p> <p>Clo hoạt tính chiếm khoảng 25%, dạng bột, Mùi đặc trưng: mùi hắc đặc trưng của clo Độ hòa tan trong nước: g/100ml ở 20 độ C: 30g/100ml</p>	Thùng 25kg
2.51	Dung dịch ngâm , làm sạch, khử khuẩn dụng cụ	<p>Thành phần: 14% N,N-Didecyl-N-Methyl-poly(oxyethyl)ammonium propionate + 0,3% Chlorhexidine digluconate, hỗn hợp 3 enzym: 0.5%-2% Protease, 0.1%-0.5% Lipase, 0.1%-0.5% Amylase, chất hoạt động bề mặt</p> <p>Hiệu quả diệt khuẩn: Diệt khuẩn theo tiêu chuẩn EN 13727, EN 14561 Diệt virus theo tiêu chuẩn EN 14476 (HIV-1, HBV, HCV, HSV 1...) Diệt virus có vỏ bọc theo tiêu chuẩn EN 17111 (Vaccinia virus...) Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485, ISO 9001 hoặc tương đương</p>	Can 5 lít
2.52	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, tiệt trùng lạnh	<p>Thành phần: $\geq 2\%$ Glutaraldehyde không cần hoạt hóa, pH=6 Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút. Tái sử dụng trong 30 ngày (kèm test thử) Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO 13485, ISO 9001</p>	Can 5 lít
2.53	Dung dịch lau sàn khử khuẩn	<p>Hoạt chất tối thiểu gồm: Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium Chloride 6,6% (w/w), N-(3-aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine 6,0% (w/w), Didecyl Dimethyl Ammonium Chloride 3,0% (w/w).</p> <p>- Chất khóa ion Mg²⁺, Ca²⁺: EDTA Tetrasodium.</p>	Can 5 lít

		<p>- Chất chỉnh pH: Lactic acid.</p> <p>- Chất chống ăn mòn, chất tạo màu, nước tinh khiết.</p> <p>Đạt hiệu quả diệt khuẩn theo các tiêu chuẩn EN 13727; EN 13624 hoặc tương đương</p>	
2.54	Oxy già	Thành phần tối thiểu gồm: Hydro peroxid, dạng lỏng trong suốt, nhớt hơn một chút so với nước, có các thuộc tính ôxi hóa mạnh.	can 30 kg
2.55	Nước cất vô khuẩn 2 lần	Nước tinh khiết, nguyên chất. Thành phần hoàn toàn tự nhiên và nguyên bản không chứa các tạp chất hữu cơ hay vô cơ	Can 10 lít
2.56	Dung dịch phun sương khử khuẩn	<p>Hoạt chất tối thiểu gồm: Hydrogen peroxide 5 % (w/w), Ion Ag 0,005 % (w/w), hương liệu, nước tinh khiết.</p> <p>Hiệu quả diệt khuẩn</p> <p>Vi khuẩn, nấm mốc : EN 13697</p> <p>Mycobacterium: EN 14348</p> <p>Virus: EN 14476</p> <p>Bào tử: EN 13704</p>	Can 5 lít
2.57	Viên ngậm sát khuẩn	<p>Thành phần chính tối thiểu gồm:</p> <p>Viên sủi khử khuẩn 5g.</p> <p>Sodium Dichloroisocyanurate 50%, Citric Acid 18%, thành phần khác 32%. pH 5.8 ở nhiệt độ phòng (5.5- 6.7)</p> <p>Có tác dụng khử khuẩn đạt tới $\geq 90\%$</p>	100 viên/ hộp
3. PP2600069451: Phần 03			
3.1	Lưỡi dao mổ các số	Dao sắc. Chất liệu tối thiểu thép các bon, tiết trùng bằng tia gamma hoặc tương đương, tối thiểu có các số 10, 11, 12 ,15, 20, 21, 22.	100 cái/ hộp
3.2	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu liên kim vô trùng dùng trong y tế Nylon các số 1/0-5/0	Chỉ không tiêu tổng hợp Nylon Monofilament Polyamid. Chỉ dài 75cm, kim tam giác, kim được tối thiểu làm bằng thép không gỉ 302, phủ silicon, cong 3/8. Chỉ số 1/0 vòng kim 40mm. Chỉ số 2/0 vòng kim 26mm, chỉ 3/0 vòng kim 26mm, chỉ số 4/0 vòng kim 20mm, chỉ số 5/0 vòng kim 15mm	12 sợi/ hộp
3.3	Chỉ khâu Vicryl số 1	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi kháng khuẩn Polyglactin 910 số 1 dài 90cm, được bọc bởi	36 Sợi/ Hộp

		<p>50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP (nồng độ <270 µg/m). 1 kim tròn đầu tròn taper CT hoặc tương đương, dài 40mm 1/2 vòng tròn. Kim tối thiểu được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Kim tối thiểu bằng hợp kim Ethalloy có hàm lượng Niken từ 6,3%-9,5%, hàm lượng crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp tantalum và titan không quá 2,1% mang lại độ bền kéo kim hơn 2750 Mpa (có chứng nhận của tổ chức độc lập). Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn FDA hoặc ISO 13485 hoặc tương đương</p>	
3.4	Chỉ khâu Vicryl số 2/0	<p>Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH Plus, dài 26mm 1/2 đường tròn, kim tối thiểu bằng hợp kim Ethalloy có hàm lượng Niken từ 6,3%-9,5%, hàm lượng crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp tantalum và titan không quá 2,1%, được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng có rãnh mặt trong và mặt ngoài của thân kim giúp giữa chặt kim khi thao tác.</p> <p>Độ bền kéo kim hơn 2750MPa (có chứng nhận của tổ chức độc lập) giúp kim chắc khỏe vượt trội.</p> <p>Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp 12 sợi
3.5	Chỉ khâu Vicryl số 3/0	<p>Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH Plus, dài 26mm 1/2</p>	Hộp 12 sợi

		<p>đường tròn, kim tối thiểu bằng hợp kim Ethalloy có hàm lượng Niken từ 6,3%-9,5%, hàm lượng crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp tantalum và titan không quá 2,1%, được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng giúp giữa chặt kim khi thao tác.</p> <p>Độ bền kéo kim hơn 2750MPa (có chứng nhận của tổ chức độc lập) giúp kim chắc khỏe vượt trội. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	
3.6	Chỉ phẫu thuật PROLENE các số (2/0;3/0;4/0;5/0)	<p>Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene kim tròn tối thiểu bằng hợp kim Ethalloy có hàm lượng Niken từ 6,3%-9,5%, hàm lượng Crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng Molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp Tantalum và Titan không quá 2,1% mang lại độ bền kéo kim > 2.750 MPa (có chứng nhận của tổ chức độc lập):</p> <p>chỉ số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt V-7, dài 26mm ½ vòng tròn, thân kim có rãnh;</p> <p>chỉ số 3/0 dài 90cm 2 kim tròn đầu tròn SH, dài 26mm ½ vòng tròn;</p> <p>chỉ số 4/0 dài 90cm 2 kim tròn đầu tròn màu đen visi-black SH, dài 26mm ½ vòng tròn, thân kim có rãnh;</p> <p>chỉ số 5/0 dài 75cm 2 kim tròn đầu cắt CC-1, dài 13mm 3/8 vòng tròn.</p> <p>Hệ thống cảnh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, CFG-FDA hoặc tương đương</p>	Hộp 12 sợi
3.7	Chỉ Vicryl số 4/0	<p>Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH-2 Plus, dài 20mm 1/2 đường tròn, tối thiểu bằng hợp kim Ethalloy</p>	Hộp 12 sợi

		<p>có hàm lượng Niken từ 6,3%-9,5%, hàm lượng crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp tantalum và titan không quá 2,1%, được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh trên bề mặt trong và ngoài kim giúp giữa chặt kim khi thao tác.</p> <p>Độ bền kéo kim hơn 2750MPa (có chứng nhận của tổ chức độc lập) giúp kim chắc khỏe vượt trội. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	
3.8	Chi Vicryl số 5/0	<p>Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 5/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn RB-1 Plus, dài 17 mm 1/2 đường tròn, kim tối thiểu bằng hợp kim Ethalloy có hàm lượng Niken từ 6,3%-9,5%, hàm lượng crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp tantalum và titan không quá 2,1%, được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng giúp giữa chặt kim khi thao tác.</p> <p>Độ bền kéo kim hơn 2750MPa (có chứng nhận của tổ chức độc lập) giúp kim chắc khỏe vượt trội. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp 12 sợi
3.9	Chi Vicryl số 7/0	<p>Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 7/0 dài 30cm, 2 kim tối thiểu bằng hợp kim Ethalloy có hàm lượng Niken từ 6,3%-9,5%, hàm lượng crom từ 11,5%-12,5%, hàm lượng molyden từ 3%-4%, hàm lượng tổng hợp tantalum và titan không quá 2,1%, kim đầu hình thang</p>	Hộp 12 sợi

		<p>Micropoint TG140-8 dài 6.5mm 3/8 vòng tròn.</p> <p>Độ bền kéo kim hơn 2750MPa (có chứng nhận của tổ chức độc lập) giúp kim chắc khỏe vượt trội. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CFG - FDA, CE, ISO 13485 hoặc tương đương</p>	
3.10	Chỉ thép cuộn các cỡ	<p>Chỉ thép cuộn không kim dài ≥ 50m dùng trong RHM. Loại đơn sợi tối thiểu thành phần hợp kim sắt, niken và Crom.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</p>	Hộp 1 cuộn
3.11	Nẹp DCP bản hẹp (vừa) 10 lỗ	<p>Nẹp bản hẹp 10 lỗ nén ép hình giọt lệ. Nẹp dày 4.5mm, rộng 12.0mm. Khoảng cách giữa các lỗ là 16.0mm. Sử dụng vít xương cứng 4.55mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương</p>	1 cái/ túi
3.12	Nẹp DCP bản hẹp (vừa) 8 lỗ	<p>Nẹp bản hẹp 8 lỗ nén ép hình giọt lệ. Nẹp dày 4.5mm, rộng 12.0mm. Khoảng cách giữa các lỗ là 16.0mm. Sử dụng vít xương cứng 4.55mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	1 cái/ túi
3.13	Nẹp MC-DCP bản nhỏ 8 lỗ cho vít 3.5	<p>Nẹp bản nhỏ 8 lỗ nén ép hình giọt lệ. Nẹp dày 4.0mm, rộng 10.0mm. Khoảng cách giữa các lỗ là 13.0mm. Sử dụng vít xương cứng 3.55mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương</p>	1 cái/ túi
3.14	Nẹp MC-DCP bản nhỏ 10 lỗ cho vít 3.5	<p>Nẹp bản nhỏ 10 lỗ nén ép hình giọt lệ. Nẹp dày 4.0mm, rộng 10.0mm. Khoảng cách giữa các lỗ là 13.0mm. Sử dụng vít xương</p>	1 cái/ túi

		<p>cứng 3.55mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương</p>	
3.15	Nẹp lòng máng 1/3rd 6 lỗ	<p>Thân nẹp cong hình ống máng có 6 lỗ. Nẹp dày 1.5mm, rộng 12.0mm. Khoảng cách giữa các lỗ là 16.0mm. Sử dụng vít xương cứng 3.55mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương</p>	1 cái/ túi
3.16	Nẹp lòng máng 1/3rd 8 lỗ	<p>Thân nẹp cong hình ống máng có 8 lỗ. Nẹp dày 1.5mm, rộng 12.0mm. Khoảng cách giữa các lỗ là 16.0mm. Sử dụng vít xương cứng 3.55mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương</p>	1 cái/ túi
3.17	Nẹp xương tròn chữ S 8 lỗ phải/ trái	<p>Nẹp cong hình chữ S. Độ dày thân nẹp 3.0mm, độ rộng 8.0mm. Nẹp có 8 lỗ phân biệt trái, phải có độ dài 92.0mm. Sử dụng vít xương cứng Ø3.5mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13845 hoặc tương đương.</p>	1 cái/ túi
3.18	Nẹp tái tạo (mắt xích) thẳng 3.5mm 8 lỗ	<p>Nẹp mắt xích 8 lỗ. Nẹp dày 2.0mm, rộng 10.0mm. Khoảng cách giữa các lỗ là 12.0mm. Sử dụng vít xương cứng 3.55mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương</p>	1 cái/ túi
3.19	Nẹp tái tạo (mắt xích) thẳng 3.5mm 6 lỗ	<p>Nẹp mắt xích 6 lỗ. Nẹp dày 2.0mm, rộng 10.0mm. Khoảng cách giữa các lỗ là 12.0mm. Sử dụng vít xương cứng 3.55mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương.</p>	1 cái/ túi

3.20	Nẹp đầu dưới xương chày mặt bên 8 lỗ trái, phải	<p>Độ dày thân nẹp 3.5mm, độ rộng 12.0mm. Nẹp có từ 5 đến 11 lỗ tương ứng với độ dài 121.0 đến 229.0mm. Sử dụng vít xương cứng Ø4.5mm và vít xương xóp Ø6.5mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13845 hoặc tương đương</p>	1 cái/ túi
3.21	Nẹp đầu trên xương cánh tay đầu rắn 7 lỗ	<p>Nẹp dày 2.5mm, bề rộng đầu to của nẹp là 20mm, thân nẹp có 7 lỗ dọc thân với lỗ nén ép hình giọt lệ. Sử dụng vít xương cứng Ø3.5mm và vít xương xóp Ø4.0mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13845 hoặc tương đương</p>	1 cái/ túi
3.22	Nẹp mặt bên đầu trên xương chày 7 lỗ Phải, trái	<p>Đầu nẹp không gập góc nhưng lệch góc về phía bên (trái, phải) một góc 20°. Độ dày thân nẹp 4.0mm, độ rộng 12.0mm. Nẹp có 7 lỗ trái, phải có độ dài 158.0mm. Sử dụng vít xương cứng Ø3.5mm và vít xương xóp Ø6.5mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13845 hoặc tương đương</p>	1 cái/ túi
3.23	Nẹp móc xương đòn 6 lỗ trái, phải	<p>Đầu nẹp hình Delta có móc cài khớp cùng đòn, độ rộng đầu nẹp là 25mm có 3 lỗ tròn bắt vít, thân nẹp có từ 3 đến 7 lỗ dọc thân. Sử dụng vít xương cứng Ø3.5mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13845 hoặc tương đương.</p>	1 cái/ túi
3.24	Nẹp xương cẳng tay 6 lỗ	<p>Nẹp bản nhỏ 6 lỗ nén ép hình giọt lệ. Nẹp dày 4.0mm, rộng 10.0mm. Khoảng cách giữa các lỗ là 13.0mm. Sử dụng vít xương cứng 3.55mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13845 hoặc tương đương</p>	1 cái/ túi
3.25	Nẹp xương đòn chữ S chất liệu thép không gỉ	<p>Nẹp cong hình chữ S. Độ dày thân nẹp 3.0mm, độ rộng 8.0mm. Nẹp có từ 6 đến 9 lỗ phân biệt trái, phải có độ dài tương ứng 69 đến 105.0mm. Sử dụng vít xương cứng Ø3.5mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ.</p>	1 cái/ túi

		Tối thiểu Đạt tiêu chuẩn ISO 13845 hoặc tương đương	
3.26	Nẹp bản hẹp xương cẳng chân 8 lỗ	Nẹp bản hẹp 8 lỗ nén ép hình giọt lệ. Nẹp dày 4.5mm, rộng 13.5mm. Khoảng cách giữa các lỗ là 18.0mm. Sử dụng vít xương cứng 4.55mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương.	1 cái/ túi
3.27	Nẹp đầu dưới xương chày mặt bên chất liệu thép không gỉ	Độ dày thân nẹp 3.5mm, độ rộng 12.0mm. Nẹp có từ 5 đến 11 lỗ tương ứng với độ dài 121.0 đến 229.0mm. Sử dụng vít xương cứng Ø4.5mm và vít xương xóp Ø6.5mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13845 hoặc tương đương	1 cái/ túi
3.28	Đinh Kirschner hai đầu nhọn	Đường kính 1.0/1.2/1.5/1.8/2.0/2.2/2.5/3.0mm. Chiều dài 310mm Chất liệu tối thiểu thép không gỉ. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13845 hoặc tương đương	10 cái/ túi
3.29	Vít xương cứng Ø3.5mm	Đường kính mũ vít 6.0mm; đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính thân vít có ren 3.5mm, chiều dài từ 10 đến 70mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13845 hoặc tương đương	10 cái/ túi
3.30	Vít xương cứng Ø4.5mm	Đường kính mũ vít 8.0mm; đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính thân vít có ren 4.5mm, chiều dài từ 10 đến 68mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13845 hoặc tương đương	10 cái/ túi
3.31	Vít xương xóp Ø6.5mm	Đường kính mũ vít 8.0mm; đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính thân vít có ren 6.5mm, chiều dài từ 50 đến 120mm. Chất liệu tối thiểu thép không gỉ. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13845 hoặc tương đương	10 cái/ túi

4. PP2600069452: Phần 04			
4.1	Giấy in siêu âm	Dạng cuộn, chiều rộng 110mm, chiều dài $\geq 20m$. - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	50 cuộn/ thùng
4.2	Giấy mực in	- bao gồm: 03 cuộn phim + 108 tờ giấy in ảnh - Kích thước 100mm x 148mm	Bộ/ hộp
4.3	Giấy điện tim 3 cần	Dạng cuộn, chiều dài 30m, có bao bì bảo vệ. - Kích thước 63mm * 30m * 16mm, chất liệu tối thiểu bằng giấy in nhiệt dùng trong y tế và loại có kẻ sọc lưới đỏ, tương thích với máy điện tim 3 cần Fukuda, Nihon Kohden. - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	100 cuộn/ thùng Đóng gói: 1 hộp: 10 cuộn, 1 thùng: 100 cuộn
4.4	Hộp kháng khuẩn	Chất liệu tối thiểu từ giấy Duplex, chống thấm nước - Màu sắc: Màu vàng. Dung tích $\geq 5L$ - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO: 13485 hoặc tương đương	25 cái/ bó
4.5	Nhiệt kế thủy ngân	- Vị trí đo: Miệng, nách, hậu môn. - Nhiệt kế có thể cho kết quả trong vòng $\leq 60s$ và độ đo chính xác lên đến 0,1 độ C - Thành phần tối thiểu gồm: 97-98% thủy tinh; 1-2% thủy ngân(Hg); <1% Bạc (Ag)	Hộp 12 cái
4.6	Bộ rửa dạ dày	Công dụng: hỗ trợ trong việc súc, rửa dạ dày bằng một hệ thống khép kín. Tối thiểu làm từ mũ cao su tự nhiên. Size: 28mm. Được đóng gói riêng lẻ trong từng túi.	Gói/ 1 bộ
4.7	Giấy in nhiệt (giấy in cho máy thử nước tiểu)	Kích thước: 57mm x 30m, dùng cho máy in nhiệt nước tiểu. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	10 cuộn/ hộp
4.8	Giá đựng bệnh phẩm nước tiểu,	Giá đựng ống nước tiểu Chất liệu tối thiểu Inox, phi 18, 20 lỗ	Túi 1 cái

4.9	ampu bóp bóng người lớn	Cấu tạo tối thiểu gồm: Bóp bóng ambu, mặt nạ, dây dẫn khí, túi chứa khí, cỡ người lớn. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1 cái/ hộp
4.10	ampu bóp bóng trẻ em	Cấu tạo tối thiểu gồm: Bóp bóng ambu, mặt nạ, dây dẫn khí, túi chứa khí, cỡ trẻ em. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	1 cái/ hộp
4.11	Bóng đèn hồng ngoại	Phổ ánh sáng hồng ngoại cao, tiết kiệm năng lượng. Công suất cực đại 220V/50Hz- 250W.	Hộp/ 1 cái
4.12	Máy đo huyết áp người lớn kèm sạc	Màn hình tối thiểu LCD . Phạm vi đo huyết áp : Huyết áp: Từ 0 đến ≥ 299 mmHg , nhịp tim từ ≤ 40 đến ≥ 180 nhịp/phút	1 cái/ hộp
4.13	Bộ Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Cấu hình của huyết áp - ≥ 01 đồng hồ đo áp lực Cấu hình của Ống nghe - Là ống nghe hai đầu nghe tiêu chuẩn gồm có : ≥ 01 bộ phận mặt nghe làm tối thiểu bằng nhôm, được thiết kế hình tròn : gồm chuông và màng nghe, chuông nghe được thiết kế dạng hai chiều nghe (hai đầu nghe) - ≥ 01 Ống nghe hai tai làm tối thiểu bằng đồng thau, đầu ống nghe có bọc nút nhựa màu trắng - ≥ 01 Dây chữ Y làm tối thiểu bằng nhựa PVC, màu xám	Hộp/ Cái
4.14	Máy điện châm	+ Máy chính: ≥ 01 chiếc; + Giắc nguồn: ≥ 01 chiếc; + Dây cắm đúng ≥ 01 sợi (kết hợp miếng dán) + Miếng dán màu trắng ≥ 01 cặp + Dây kẹp: ≥ 05 sợi (kết hợp đầu kẹp) + Bút dò huyết: ≥ 01 cái. Có thể tạo ra tối thiểu năm loại dạng sóng: sóng liên tục, sóng không liên tục, sóng nén, sóng dao động và sóng bắt đầu / dừng. - Tần số xung của sóng cơ bản là từ $\leq 1,2$ Hz đến ≥ 55 Hz và độ rộng của nó là 0,6ms. - Nguồn chính một pha 220 V/50Hz hoặc pin 9V bên trong	1 cái/ hộp

		<ul style="list-style-type: none"> - Công suất phát: Dưới 20 VA. - Sáu kênh đầu ra, kích thích ≥ 12 huyệt cùng lúc Cường độ xung điều chỉnh Chức năng cài đặt thời gian: Phạm vi thời gian là từ 0 ~ 60 phút + 10%. 	
4.15	Miếng điện cực điện xung trung tần	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu tối thiểu xốp bảo vệ điện cực và gel từ các chất tẩy rửa phẫu thuật. - Gel rắn dính nhanh chóng và giúp ghi tín hiệu tốt trên bề mặt da. - Tất cả điện cực dán đều có lớp tiếp xúc chất lượng cao Ag/AgCl. - Dùng một lần, đã bôi gel, không nhựa mũ, không PVC, không vô trùng. - Phù hợp cho người lớn. - Kích thước: $\geq 43\text{mm} \times 45\text{mm}$ 	Gói/ 50 miếng
4.16	dây châm cứu hẹn giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Dây cáp điện cực đã gắn đầu nối dùng cho máy điện châm - Tối thiểu vỏ bọc nhựa cách điện, lõi dây đồng. Dây dài 1,27 m, 1 đầu đúc ra 2 đầu kìm kẹp kim loại - Điện áp 10mA 	10 cái/ túi
4.17	Máy điện xung trung tần	<ol style="list-style-type: none"> 1. Công suất: $\geq 60\text{VA}$. 2. Điện áp: $220\text{V} \pm 22\text{V}$, $50\text{Hz} \pm 1\text{Hz}$. 3. Kích thước: $280 \times 205 \times 80\text{mm}$, dung sai $\pm 20\text{mm}$. 4. Tối thiểu Màn hình hiển thị: kỹ thuật số. 5. Đầu ra tối thiểu: Tần số trung tần một kênh cộng với đầu ra điện nhiệt 6. Tần số sóng trung tần là $\leq 2\text{kHz} \sim \geq 10\text{kHz}$ và dung sai tần số đơn là $\pm 10\%$ 7. Tần số điều biến là $0 \sim \geq 150\text{Hz}$ và dung sai tần số đơn là $\pm 10\%$ hoặc $\pm 1\text{Hz}$, tùy theo giá trị nào lớn hơn 8. Dạng sóng trung tần tối thiểu gồm: Sóng vuông hai chiều, dạng sóng biến điệu bao gồm sóng hình sin, sóng vuông, sóng tam giác, sóng hàm số mũ, sóng răng cưa, sóng nhọn và sóng có biên độ bằng nhau. Chế độ điều biến tối thiểu gồm: Liên tục, không liên tục, ngắt quãng, chuyển đổi tần số, điều biến dày đặc và xen kẽ 9. Độ rộng xung: $50\mu\text{s} \sim 250\mu\text{s}$, dung sai $\pm 10\%$ 	1 máy/ hộp

		<p>10. Phạm vi điều chế sóng trung tần: 0%, 25%, 50%, 75%, 100%, dung sai $\pm 5\%$..</p> <p>11. Có ≥ 35 phác đồ điều trị.</p> <p>12. Dòng điện đầu ra trung tần: Dưới tải 500Ω, dòng điện đầu ra của mỗi kênh không quá 100mA. Cường độ đầu ra có thể điều chỉnh từ 0 đến ≥ 99 cấp độ</p> <p>13. Độ ổn định dòng điện đầu ra: Tốc độ thay đổi dòng điện đầu ra dưới các tải khác nhau không lớn hơn 10%</p> <p>14. Đặt máy với phác đồ điều trị trong suốt thời gian trị liệu, sẽ có âm thanh nhắc nhở và khi trị liệu kết thúc.</p> <p>15. Nhiệt độ tấm điện cực: $38^{\circ}\text{C} \sim 55^{\circ}\text{C}$, có thể điều chỉnh theo ≥ 6 cấp độ, dung sai $\pm 3^{\circ}\text{C}$.</p>	
4.18	Nhiệt ẩm kế	<ul style="list-style-type: none"> - Loại: treo tường - Chất liệu: Tối thiểu thép không gỉ, có mặt kính bảo vệ - Phạm vi đo nhiệt độ: $\leq -20 \sim \geq 100^{\circ}\text{C}$ - Sai số: $\leq 1^{\circ}\text{C}$ (Phạm vi $10 \sim 30^{\circ}\text{C}$), $\leq 2^{\circ}\text{C}$ (Phạm vi khác) - Phạm vi đo độ ẩm: 0 - 100%RH - Sai số: $\leq 5\% \text{RH}$ (Phạm vi $40\% \sim 75\% \text{RH}$), $\leq 7\% \text{RH}$ (Phạm vi $25\% \sim 40\% \text{RH}$), $\leq 9\% \text{RH}$ (Phạm vi khác) 	Túi 1 cái
5. PP2600069453: Phần 05			
5.1	Dây máu dùng cho thận nhân tạo 2 trong 1	<ul style="list-style-type: none"> - Dây máu chạy thận tối thiểu gồm 2 phần chính: Động mạch và Tĩnh mạch, có kèm 2 bộ bảo vệ cảm biến. - Thẻ tích làm đầy ≥ 156 ml. Làm tối thiểu bằng nhựa y tế mềm PVC, đầu kết nối và các thành phần khác: PVC, PE, PP, PC, ABS và các nguyên liệu y khoa. - Dây tĩnh mạch với bầu tĩnh mạch dài $\geq 130\text{mm}$. Dây động mạch với bơm máu (đường kính trong 8mm x đường kính ngoài 12mm x chiều dài 350mm), bầu động mạch dài $\geq 130\text{mm}$. - Tiệt trùng bằng ETO hoặc tương đương. - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc EC hoặc tương đương. 	24 bộ dây/thùng

5.2	Kim chạy thận nhân tạo	Kim cỡ 16G. Bao gồm loại cánh xoay. Thiết kế backeye. Chiều dài kim 25mm. Thành kim mỏng cho phép lưu lượng máu tối đa Không chứa DEHP.	320 cái/ thùng
5.3	Quả lọc máu	- chất liệu màng tối thiểu: Purema Polyethersulfone - chất liệu vỏ quả tối thiểu: Polycarbonate/ Polyurethane - Hệ số siêu lọc: ≥ 16 ml/h/mmHg - Diện tích màng: $\geq 1,5$ m ² - Phương pháp khử trùng an toàn - Với tốc độ bơm máu 300ml/min thì hệ số lọc: + Urea: ≥ 258 ml/phút + Creatinine: ≥ 231 ml/phút + Phosphate: ≥ 202 ml/phút + Vitamin B12: ≤ 119 ml/phút - Độ dày của màng: 35 μ m - Đường kính trong: 200 μ m - Hệ số truyền tải: ≥ 930 ml/phút - Thể tích môi: ≤ 85 ml Tối thiểu đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 và CE hoặc tương đương.	30 quả/ 1 thùng
5.4	Catheter tĩnh mạch 2 nòng	Chất liệu tối thiểu Polyurethane. Loại đầu cong hoặc thẳng, 2 nòng. Kích cỡ: 12F, Chiều dài catheter: 20 cm - Cấu tạo tối thiểu bao gồm: catheter, nong, kim dẫn đường chữ Y sắc bén, xy lạnh, dây luồn dẫn hướng, băng dán, nắp heparin, dao mổ, chỉ liền kim	30 chiếc/ thùng
5.5	Dung dịch sát khuẩn màng lọc thận nhân tạo	Thành phần chính tối thiểu bao gồm: - Hydrogen Peroxide: 26,53% w/w - Acetic Acid: 7,83% w/w - Peracetic Acid: 5,00% w/w	thùng 5 kg/ can 5 lít
5.6	Dung dịch thẩm phân máu (dạng Acid)	Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm: - Natri clorid: 210,68 g - Kali clorid: 5,22 g - Calci clorid.2H ₂ O: 9,00 g - Magnesi clorid.6H ₂ O: 3,56 g - Acid acetic băng: 6,31g - Glucose.H ₂ O: 38,50 g (Hoặc Glucose	Can 10 lít

		<p>khan: 35,00 g)</p> <p>- Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 vừa đủ: 1.000 ml</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương</p> <p>Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm</p> <p>Sử dụng tương thích với dịch B (Bicarbonat) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất</p>	
5.7	Dung dịch thẩm phân máu (dạng bazơ)	<p>Thành phần trong 1.000 ml dung dịch gồm:</p> <p>- Natri bicarbonat: 84,0 g</p> <p>- Nước đạt tiêu chuẩn ISO 23500-3:2019 vừa đủ: 1.000 ml</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương</p> <p>Quy cách: Can 10 lít được đóng kín bằng màng seal nhôm</p> <p>Sử dụng tương thích với dịch A (Acid) theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất</p>	Can 10 lít
5.8	Gạc thận nhân tạo	<p>Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng.</p> <p>Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương.</p>	30 cái/gói
5.9	Muối tái sinh	Màu trắng; Không mùi	25 kg/1 bao
5.10	Acid Citric	Tinh thể màu trắng, có mùi đặc trưng	25 kg/1 bao
5.11	Que thử nồng độ axit peracetic	<p>Tối thiểu có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm.</p> <p>Thời gian nhúng: ≤1 giây.</p> <p>Thời gian đọc kết quả: ≤10 giây</p>	100 test/lọ
5.12	Que thử tồn dư peroxide	<p>Tối thiểu có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm</p> <p>Không dùng Que thử để kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide lớn hơn 20 ppm</p> <p>Thời gian nhúng: ≤2 giây</p> <p>Thời gian đọc kết quả: ≤15 giây</p>	100 test/lọ

5.13	Que thử Độ cứng của nước	Tối thiểu có thể kiểm tra nước với các nồng độ tối thiểu: 0, 10, 25, 50 và 120ppm Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm. Thời gian nhúng: ≤1 giây Thời gian đọc kết quả: ≤10 giây	50 test/lọ
5.14	Que thử hàm lượng Clo tổng dải thấp	Tối thiểu có thể kiểm tra nước với các nồng độ tối thiểu: 0, 0.1, 0.5 và 3ppm Thời gian nhúng và đọc kết quả: ≤30 giây	100 test/lọ

3. Các yêu cầu khác

- Nộp bản cam kết và thực hiện theo yêu cầu của chủ đầu tư các nội dung sau:
 - + Nhà thầu đủ điều kiện cung cấp và hàng hóa được phép lưu hành trên thị trường theo quy định pháp luật hiện hành;
 - + Tất cả các hàng hóa và dịch vụ liên quan có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp;
 - + Hàng hóa cung cấp mới 100%, đảm bảo hạn sử dụng tối thiểu 06 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với hàng hóa có hạn dùng từ 01 đến 02 năm; ¼ hạn dùng đối với hàng hóa có hạn dùng dưới 01 năm theo nhà sản xuất khi bàn giao hàng hóa;
 - + Cung cấp hàng mẫu trong trường hợp có yêu cầu của Chủ đầu tư;
 - + Thời gian giao hàng: Chậm nhất là 72 giờ sau khi nhận được dự trù của bên mua (bằng E-mail hoặc điện thoại trong trường hợp khẩn cấp); Riêng đối với hàng hóa trúng thầu dùng đột xuất, khẩn cấp... bắt buộc giao hàng tại kho bên mua không quá 24 giờ;
 - + Thu hồi hàng hoá trong trường hợp hàng hoá đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng, hoặc không sử dụng được với trang thiết bị hiện có của đơn vị thụ hưởng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của chủ đầu tư;
 - + Có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT;
 - + Thông báo bằng văn bản đến chủ đầu tư trong trường hợp hàng hóa có bất kỳ thay đổi từ nhà sản xuất.

- Nhà thầu chuẩn bị 1 bộ E-HSDT bản gốc để Chủ đầu tư lưu trữ khi được mời đối chiếu tài liệu.